Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	124,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-2.7%**	**-13.9%**

2024

ROE 28.2% +/- YoY ▼ 0.3%

Q4/24

DT thuần 3,574 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 98.0 ▲ 2.8%

YoY ▲ 399 ▲ 12.6%

2024

DT thuần 12,681 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 1,382 ▲ 12.2%

Q4/24

LN gộp 258 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 37.0 ▲ 16.6%

YoY ▼ 16.0 ▼ 6.0%

2024

LN gộp 889 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 3.00 ▼ 0.3%

Q4/24

LN thuần 198 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 21.0 ▲ 11.8%

YoY ▲ 17.0 ▲ 9.3%

2024

LN thuần 681 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 34.0 ▲ 5.3%

Q4/24

LN sau thuế 156 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 10.0 ▲ 6.6%

YoY ▲ 13.0 ▲ 8.9%

2024

LN sau thuế 543 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 27.0 ▲ 5.3%

Kết quả kinh doanh

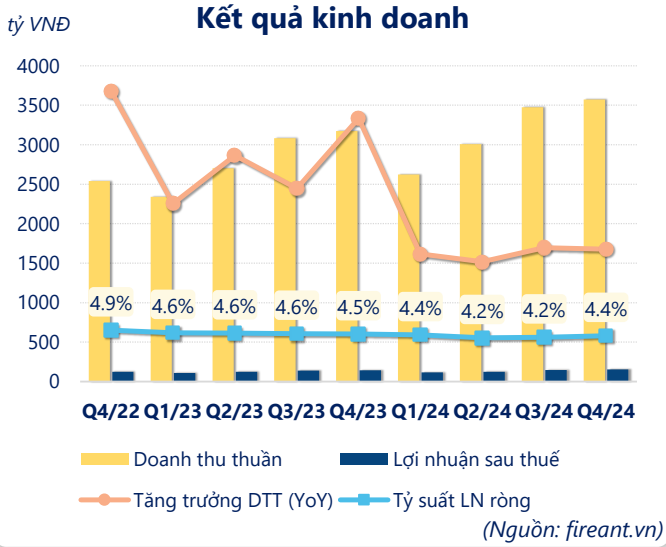

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

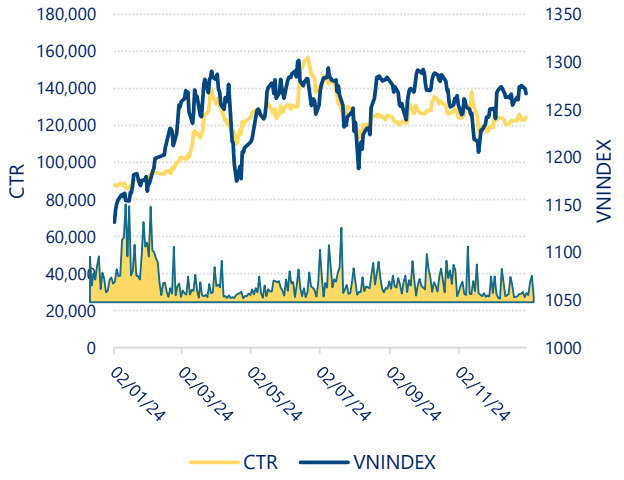

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

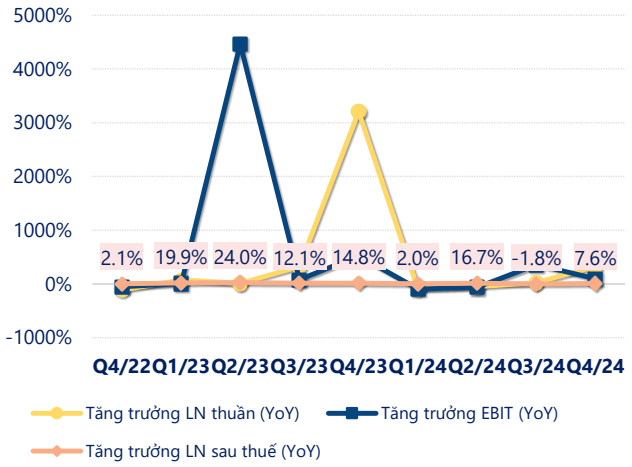

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

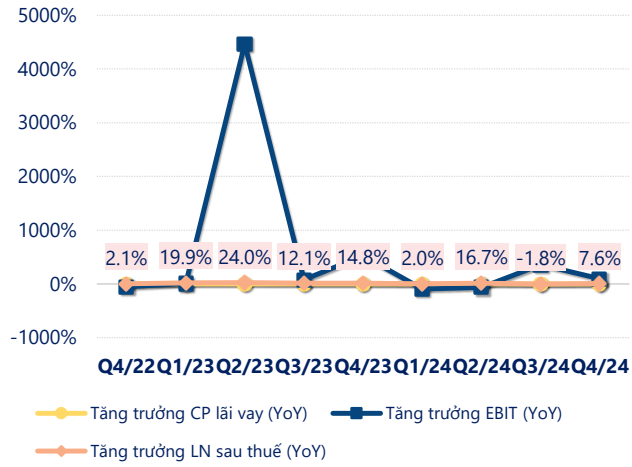

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

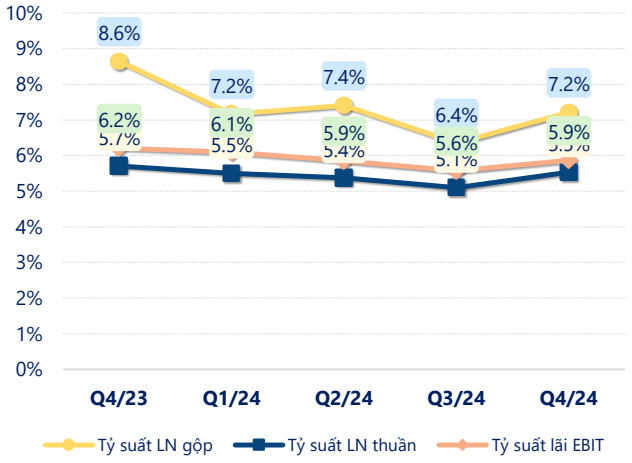

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

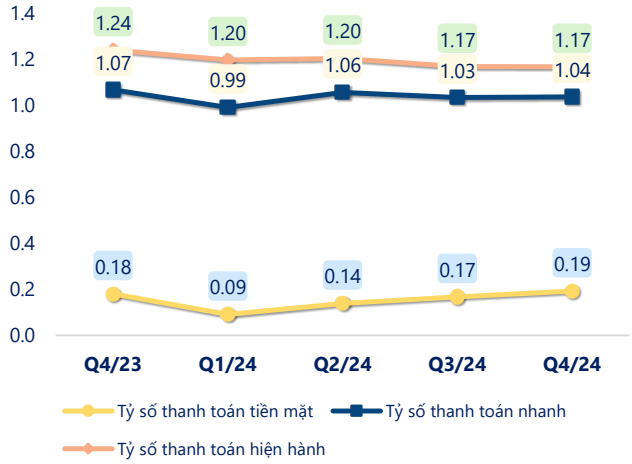

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

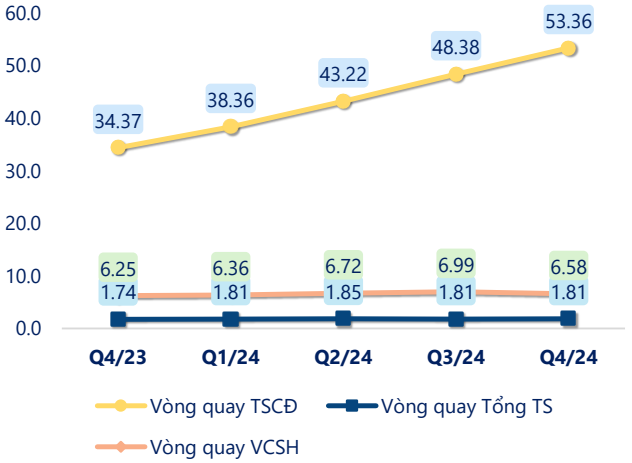

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

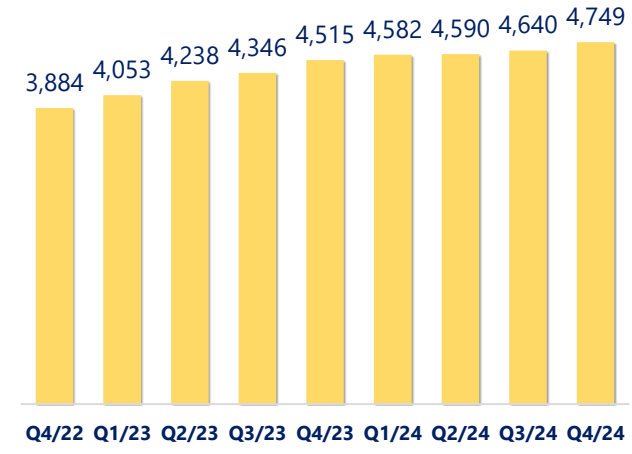

(Nguồn: fireant.vn)

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,574**	**3,175**	**12.6%**	**12,681**	**11,299**	**12.2%**
Giá vốn hàng bán	3,316	2,900	14.3%	11,792	10,407	13.3%
Lợi nhuận gộp	258	274	-6.0%	889	892	-0.3%
Doanh thu HĐTC	13.0	30.2	-56.9%	48.6	97.1	-50.0%
Chi phí TC	15.9	26.5	-39.9%	90.1	93.3	-3.3%
Chi phí lãi vay	15.1	18.3	-17.3%	60.8	84.8	-28.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**56.9**	**97.0**	**-41.4%**	**167**	**249**	**-33.0%**
LN thuần từ HĐKD	198	181	9.3%	681	647	5.3%
Lợi nhuận khác	**-3.20**	**-2.40**	**-33.5%**	**-2.52**	**-2.14**	**-17.7%**
LN trước thuế	195	179	8.7%	679	645	5.2%
Lợi nhuận sau thuế	**156**	**143**	**8.9%**	**543**	**516**	**5.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**156**	**143**	**8.9%**	**543**	**516**	**5.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

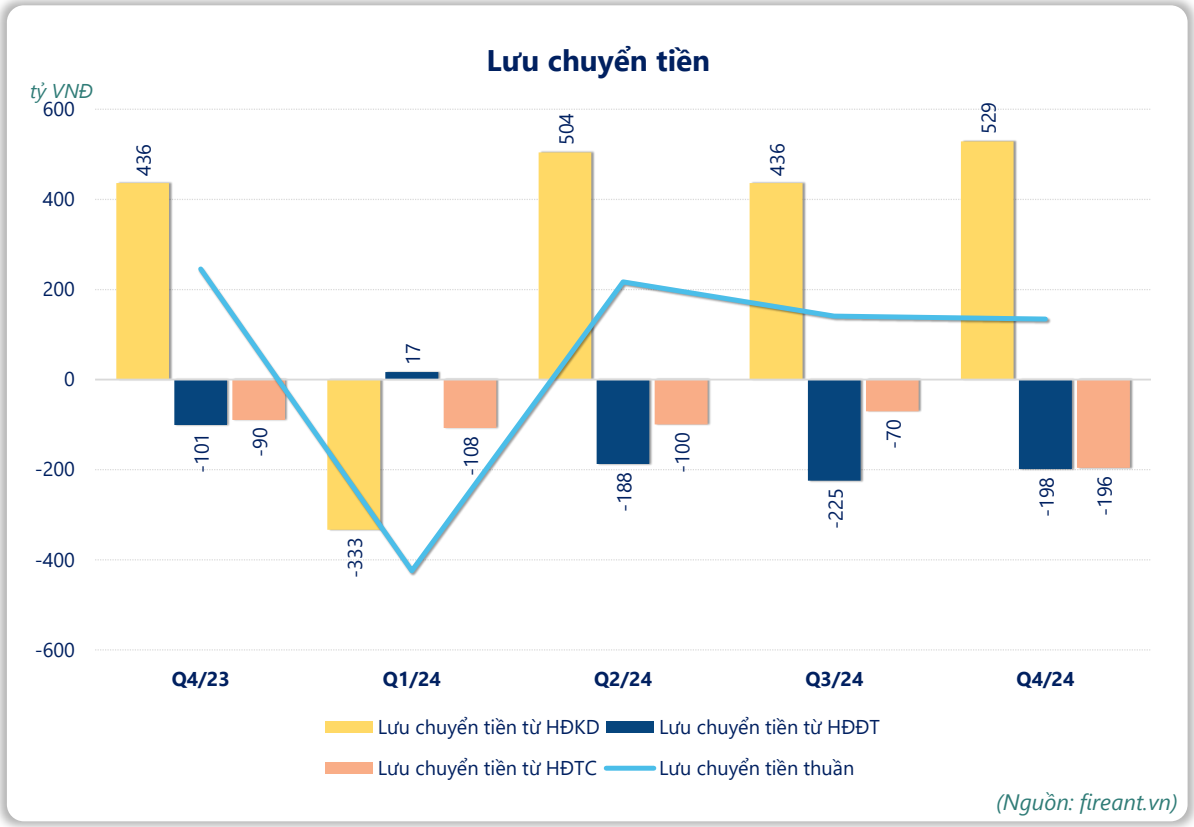

(Nguồn: fireant.vn)